

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 08-11-2018.

“Về việc hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

Ông Trần Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2018 “Về việc hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị O, sinh năm: 1971 (có mặt).

Cư trú tại: Số nhà 161, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số nhà 161, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông H tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống như vợ chồng vào tháng 11 năm 1990,

nhưng từ đó đến nay bà O và ông H không có đăng ký kết hôn. Sau đó thì giữa bà O và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống không hạnh phúc, bà O và ông H sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay, nên bà O yêu cầu tuyên bố không công nhận bà O và ông H là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà O và ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 16/6/1990 và Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1994. Hiện nay cháu H và cháu L đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, nên bà O không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà O và ông H có tài sản chung và nợ chung, nhưng bà O và ông H đã tự thỏa thuận chia xong, nên bà O không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành thông báo cho ông Nguyễn Văn H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hai lần họp lệ, mà ông H vắng mặt không có lý do và ông H cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị O. Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận bà O và ông H là vợ chồng; về con chung: hiện nay cháu H và cháu L đã thành niên, không mắc bệnh tật gì. Bà O không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: bà O không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2018 của bà Lê Thị O thì bà O khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận bà O và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là Hôn nhân

và gia đình theo khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị O và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Xét thấy: Bà O và ông H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa, bà O yêu cầu tuyên bố không công nhận bà O và ông H là vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử tuyên bố không công nhận bà O và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lê Thị O và ông Nguyễn Văn H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 16/6/1990 và Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1994. Hiện nay cháu H và cháu L đã thành niên, không mắc bệnh tật gì. Bà O không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị O xác định trong thời gian chung sống bà và ông H có tài sản chung và nợ chung, nhưng đã tự thỏa thuận chia xong. Bà O không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà Lê Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà O được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006287 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy bà O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị O và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lê Thị O và ông Nguyễn Văn H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 16/6/1990 và Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1994. Hiện nay cháu H và cháu L đã thành niên, không mắc bệnh tật gì. Bà O không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị O không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị O phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà O được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006287 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy bà O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn bà Lê Thị O có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã An Thạnh 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo